

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2022/DS-PT
Ngày: 14-12-2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
Ông Đặng Văn Nhữ

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 400/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn N – chủ hộ kinh doanh Lê Văn N;

Địa chỉ: ấp T1, xã N1, huyện T2, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Anh Lê Tuấn P, sinh năm 1991;
Địa chỉ: ấp T1, xã N1, huyện T2, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp T1, xã N1, huyện T2, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Võ Thị Thu V, sinh năm 1983;
Địa chỉ: ấp T1, xã N1, huyện T2, tỉnh Long An.

- **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2022 của nguyên đơn ông Lê Văn N cùng những lời trình bày của người đại diện hợp pháp như sau:

Ông Lê Văn N có bán phân thuốc cho ông Huỳnh Văn T, bà Võ Thị Thu V nhiều năm. Khi mua bán, hai bên có thỏa thuận khi hết vụ lúa phải trả số tiền nợ, nếu không trả đúng thì phải phụ lãi 2%/tháng. Đến ngày 25/9/2011, sau khi trả được một phần nợ thì ông T và bà V còn nợ ông N số tiền là 62.674.000đ (Sáu mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Ông N đi đòi nhiều lần nhưng ông T, bà V cứ hẹn mà không trả. Do thấy hoàn cảnh kinh tế của ông T, bà V khó khăn nên ông N chỉ đến nhắc nhở, yêu cầu ông T, bà V trả nợ sau khi thu hoạch các vụ lúa mà không khởi kiện nhằm tạo điều kiện cho ông T, bà V trả. Sau nhiều năm đi đòi nợ, ngày 14/01/2016, ông T có trả được 5.000.000đ. Đến ngày 26/4/2016 ông T tiếp tục trả được 2.000.000đ. Từ năm 2016 đến nay ông N đã đến nhà của ông T, bà V để đòi nhiều lần nhưng ông T, bà V vẫn không chịu trả, hứa hẹn và sau đó thì cố tình né tránh khi ông N đến đòi số nợ còn thiếu. Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu ông T, bà V có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền gốc và lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận (có ghi bằng văn bản) là 2%/tháng. Cụ thể tiền lãi ông N yêu cầu ông T, bà V thanh toán như sau:

Phần tiền lãi của số nợ gốc từ ngày 14/01/2011 đến ngày 14/01/2016 là 78.939.000đ, thời gian 63 tháng.

Sau khi trả được 5.000.000đ ngày 14/01/2016 thì nợ gốc còn lại là 57.674.000đ. Lãi từ ngày 26/4/2016 là 03 tháng, tiền lãi là 3.459.000đ.

Ngày 26/4/2016 trả được 2.000.000đ, nợ gốc còn lại là 55.674.000đ, tiền lãi từ ngày 26/4/2016 đến ngày 17/01/2022 là 69 tháng, tiền lãi phần 55.674.000đ với lãi suất 2%/tháng, tiền lãi là 76.797.000đ.

Ông Lê Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà V có nghĩa vụ trả cho ông N gốc và lãi tổng cộng là 221.869.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng) và thay đổi yêu cầu tính lãi 2% còn 1,5%/tháng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thu V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 228, 430, 434, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Buộc ông T và bà V có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền nợ gốc là 55.674.000 đồng và số tiền lãi là 109.086.639 đồng. Tổng cộng số nợ gốc và lãi là 164.760.639 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.546.725 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0004311, ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Buộc ông T và bà V phải chịu 8.238.031 đồng (tám triệu hai trăm ba mươi tám nghìn không trăm ba mươi một đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 09 tháng 09 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh ban hành kháng nghị số 351/QĐ-VKS-DS về việc kháng nghị Bản án sơ thẩm về lãi suất, áp dụng theo lãi suất Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Viện kiểm sát sát giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phong trình bày đồng ý với kháng nghị; tuy nhiên, yêu cầu xem xét tính lãi từ khi kết thúc xét xử sơ thẩm đến xét xử phúc thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Viện kiểm sát kháng nghị đúng quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng nghị: Giao dịch dân sự giữa các bên vào năm 2011, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng chưa trả lãi. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1.5%/tháng theo quy định Bộ luật dân sự năm 2015 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Vì vậy, đề nghị áp dụng mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với yêu cầu của nguyên đơn tiếp tục tính lãi đến khi kết

thúc phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần lãi suất Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh kháng nghị hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu kháng nghị thấy rằng: Ông N khởi kiện ông T yêu cầu ông T cùng vợ là bà V thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng mua bán. Ông N có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông T, bà V mua phân, thuốc phục vụ sản xuất nông nghiệp. Việc mua bán có theo dõi sổ sách ghi số nợ, ghi số tiền đã trả được, ông T là người ký đối chiếu thống nhất số nợ. Đồng thời có thể hiện lãi suất nếu chậm trả là 02%/tháng. Theo chứng cứ ông N cung cấp có thể hiện ông T mua thiếu số nợ là 77.674.000đ, trả được 10.000.000đ đến ngày 25/9/2011 ông T còn nợ 67.674.000đ. Ngày 25/9/2011 trả 5.000.000đ, số nợ còn lại là 62.674.000đ. Đến ngày 14/01/2016 trả 5.000.000đ, số nợ còn lại là 57.674.000đ. Ngày 26/4/2016 trả 2.000.000đ, số nợ gốc còn phải trả là 55.674.000đ. Cấp sơ thẩm buộc ông T trả nợ gốc 55.674.000 đồng là có căn cứ.

[3.1] Về tiền lãi, theo thỏa thuận khi mua bán, thời gian trả là hết vụ lúa. Nếu không trả thì phải tính lãi 2%. Việc thỏa thuận tính lãi chậm trả có ghi rõ trong phần đối chiếu, thanh toán công nợ. Giao dịch dân sự vào thời điểm 2011 nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,5% là không phù hợp quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định mức lãi suất không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định “Mức lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận vượt quá 13,5%/năm; theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm tương ứng với 0,75%/ tháng, tương ứng với mức 150% lãi suất cơ bản là 13,5%/năm, 1.125%/tháng là phù hợp với mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự 2005”. Cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1.5%/tháng theo quy định Bộ luật dân sự 2015 là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Vì vậy, cần điều chỉnh lại mức lãi suất cho phù hợp. Cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền nợ gốc 62.674.000 đồng tính từ ngày 25/9/2011-13/01/2016 là 51 tháng 10 ngày, lãi suất 1,125%, tiền lãi là 36.194.000 đồng.

Ngày 14/01/2016 trả 5.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 57.674.000 đồng. Tiền lãi của số tiền 57. 674.000 đồng tính từ ngày 14/01/2016 – 25/4/2016 là 03 tháng 11 ngày, lãi suất 1,125%, tiền lãi là 2.181.000 đồng.

Ngày 26/4/2016 trả 2.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 55.674.000 đồng. Tiền lãi của số tiền 55. 674.000 đồng tính từ ngày 26/4/2016 – 17/01/2022 là 68 tháng 21 ngày, lãi suất 1,125%, tiền lãi là 43.029.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi phải trả là: 81.404.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi phải trả là 137.078.000 đồng.

Ông N bị bác yêu cầu đối với số tiền lãi là 27.682.500 đồng.

[4] Từ nhận định mục [3], chấp nhận kháng của Viện Trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh. Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho ông N. Ông N phải chịu án phí đối với yêu cầu bị bác.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

1. Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N số tiền là 137.078.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu không trăm bảy

mười tám nghìn đồng), trong đó bao gồm nợ tiền gốc là 55.674.000 đồng và nợ tiền lãi là 81.404.000 đồng.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị Thu V trả tiền lãi 27.682.500 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm tám hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn N phải chịu 1.384.000 đồng (một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Khấu trừ 5.546.725 đồng (năm triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng) ông Lê Văn N đã nộp theo biên lai thu số 0004311, ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, hoàn trả cho ông Lê Văn N số tiền 4.162.600 đồng (bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

Buộc ông Huỳnh Văn T và bà Võ Thị Thu V phải chịu 6.853.900 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền